

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1996, địa chỉ: **thôn G, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.**

Bị đơn: Anh Đỗ Xuân T, sinh năm 1992, địa chỉ: **thôn D, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị Thùy D và anh Đỗ Xuân T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Đỗ Ánh D1, sinh ngày 31/8/2022 cho chị Phạm Thị Thùy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu D1 thành niên đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Xuân T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Ánh D1 cùng với chị Phạm Thị Thùy D mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2024 cho đến khi cháu

Đỗ Ánh D1 thành niên đủ 18 tuổi.

Anh **Đỗ Xuân T** có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu **Đỗ Ánh D1** được chung sống với chị **Phạm Thị Thùy D**. Anh **Đỗ Xuân T** có quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị **Phạm Thị Thùy D** và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh **Đỗ Xuân T** trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Tài sản chung và công nợ chung: Chị **Phạm Thị Thùy D** và anh **Đỗ Xuân T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Án phí: Chị **Phạm Thị Thùy D** nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị **Phạm Thị Thùy D** đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001967 ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Đông Sơn, TP Tam Điệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa